TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15/3/2024
V/v tranh chấp: *"Xin Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Đương
2. Ông Dương Vương Đạo

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2023/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 10 năm 2023, về tranh chấp:*"Xin ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15/02/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01/3/2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Duy D, sinh năm 1982
Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.
- *Bị đơn:* Ông Phan Thành N, sinh năm 1981;
Địa chỉ: Tổ 2, ấp P, xã P, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

(Bà D xin vắng mặt, ông N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Nguyễn Duy D trình bày:*

Bà D và ông N tiến đến hôn nhân do tự tìm hiểu và tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/11/2008 tại UBND xã P. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Từ tháng 5/2023, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên giữa vợ chồng sống ly thân đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không hàn gắn được tình cảm. Nay tình cảm của bà D đối với anh N không còn nên xin ly hôn.

Vợ chồng có 02 con chung tên Phan Bảo N, sinh ngày 16/10/2010 và Phan Bảo T, sinh ngày 30/4/2014. Thời gian vợ chồng sống ly thân, bà D trực tiếp nuôi Phan

Bảo N và Phan Bảo T. Ly hôn, bà D yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý, Thông báo về việc công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Phan Thành N hợp lệ. Nhưng ông N không đến Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của bà D.

** Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Duy D. Bà Nguyễn Duy D được ly hôn với ông Phan Thành N. Giao Phan Bảo N, sinh ngày 16/10/2010 và Phan Bảo T, sinh ngày 30/4/2014 cho bà Nguyễn Duy D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Duy D không yêu cầu ông Phan Thành N cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, phạm vi khởi kiện

Bà Nguyễn Duy D xin ly hôn với ông Phan Thành N nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Tân Phú Đông theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 25/01/2024, bà D xin vắng mặt tại phiên tòa. Ông N được Tòa án triệu tập dự phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại không lý do. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, 2 Điều 227 và khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xử vụ án vắng mặt bà D và ông N.

[2] Về nội dung vụ kiện

Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông N tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn ngày 13/11/2008 tại UBND xã P nên quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông N được pháp luật công nhận. Nay bà D xin ly hôn nên áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết. Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai bà D trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn sau khi kết hôn. Đến tháng 5/2023 thì mâu thuẫn trầm trọng và vợ chồng sống ly thân nhau đến nay. Thời gian sống ly thân, vợ chồng không hàn gắn tình cảm được. Xét thấy: Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải là tạo điều cho bà D và ông N gặp nhau trao đổi, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông N vẫn không đến, chứng tỏ ông N không muốn hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình. Do đó, cho thấy mâu thuẫn

giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phan Bảo N, sinh ngày 16/10/2010 và Phan Bảo T, sinh ngày 30/4/2014. Theo trình bày của bà D, thời gian sống ly thân, bà D trực tiếp nuôi 02 con chung. Tại "Đơn trình bày nguyện vọng của con" cùng ngày 24/01/2024. Phan Bảo N và Phan Bảo T có nguyện vọng sống với bà D sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo điều kiện và ổn định cuộc sống cho Phan Bảo N và Phan Bảo T nên giao 02 con chung cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng. Bà D không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

- Bà Nguyễn Duy D nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.
- Ông Phan Thành N không phải nộp nộp án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Điều luật áp dụng:

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Điều 5; khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Duy D.
- Bà Nguyễn Duy D được ly hôn với ông Phan Thành N.

2. Về con chung:

- Giao 02 con tên Phan Bảo N, sinh ngày 16/10/2010 và Phan Bảo T, sinh ngày 30/4/2014 cho bà Nguyễn Duy D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.
- Bà Nguyễn Duy D không yêu cầu ông Phan Thành N cấp dưỡng nuôi con.
- Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.
- Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

5. Về án phí:

Bà Nguyễn Duy D phải nộp 300.000 (*ba trăm nghìn)* đồng, án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn)* đồng, theo biên lai số 0008697, ngày 13/10/2023, của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú Đông. Như vậy, bà Nguyễn Duy D đã nộp xong án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hợp lệ, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKS ND H.Tân Phú Đông;
- Chi cục THA DS H.Tân Phú Đông;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI